

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-12-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Thị Lệ Hoa
- Bà Lương Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Phương Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hữu Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ QT, huyện Đức H, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Ông Võ Văn D, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 159 ấp B, xã Hướng Thọ P, thành phố T, tỉnh Long An.

(nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà và ông Võ Văn D tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hướng Thọ P, thành phố T, tỉnh Long An, vào ngày 7 tháng 4 năm 2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, ông D mê cờ bạc, không phụ bà về kinh tế, không phụ chăm sóc con, ông

D đã bỏ đi xa. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Lê Kim N, sinh ngày 29/7/2015 và Võ KN, sinh ngày 08/9/2018, hiện đang sống với mẹ. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Võ Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông D không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Ông D cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An nhận định quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo qui định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên có căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét mâu thuẫn giữa bà B và ông D là trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung cho bà B nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị B nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Võ Văn D có địa chỉ cư trú tại thành phố Tân An, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Võ Văn D đã được thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú trên đài Trung Ương theo 3 số liên tiếp Báo công Lý vào các ngày 18, 23, 25 tháng 10 năm 2024 và trên Đài tiếng nói Việt Nam phát vào 03 ngày 17, 18 và 19 tháng 10 năm 2024 về việc bà Nguyễn Thị B yêu cầu xin ly hôn với ông Võ Văn D. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan cho ông D nhưng ông D vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông D là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Võ Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hường Thọ P, thành phố Tân An, tỉnh Long An, vào ngày 7 tháng 4 năm 2016, nên quan hệ hôn nhân của bà B và ông D được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà B: Ông D đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà B có yêu cầu ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nhưng ông D không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà B xác định không còn tình cảm với ông D và cương quyết ly hôn nguyên nhân do ông D đã bỏ gia đình đi không có trách nhiệm với vợ con và gia đình. Điều này chứng minh quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B với ông D.

[2.3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông D vắng mặt nên không có ý kiến về việc khi ly hôn bà B yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Lê Kim Ngọc, sinh ngày 29/7/2015 và Võ Kim Ngà, sinh ngày 08/9/2018. Cháu Kim Ngọc và Kim Ngà có ý kiến thể hiện khi ba mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ, do ông D đã bán nhà, bỏ đi xa nên các con chung đều do bà B đem về quê để ba mẹ của bà B phụ chăm sóc đưa rước các cháu đi học. Hiện tại bà B có việc làm thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi con chung. Để đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho cháu Kim N và KN, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, giao cháu Kim N và KN cho bà B nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị B là người yêu cầu nên bà phải chịu chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Võ Văn D. Bà B đã nộp đủ chi phí này không yêu cầu ông D hoàn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Võ Văn D.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Võ Lê Kim N, sinh ngày 29/7/2015 và Võ KN, sinh ngày 08/9/2018. Ông Võ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu số **0000798 ngày 07/10/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An để thi hành.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TPTA;
- Chi cục THADS TPTA;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Thu Hương

